

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP ĐỊA LÝ LỚP 12

HỌC KỲ I CÓ ĐÁP ÁN

ĐỀ1

*** Hãy chọn 1 ý đúng nhất trong các câu hỏi sau:**

Câu 1: Biển Đông có diện tích khoảng bao nhiêu?

- A. 34,77 triệu km². B. 3,477 triệu km². C. 3,477 km². D. 3477 km².

Câu 2: Trong các biển ở Thái Bình Dương, biển Đông có diện tích đứng thứ mấy?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 3: Địa hình ven biển: cồn cát, đầm phá, bãi cát phẳng thường thấy nhiều ở vùng biển nào của nước ta? A. Miền Bắc. B. Miền Nam. C. Miền Trung. D. Cả 3 miền.

Câu 4: Hệ sinh thái rừng ngập mặn ở Nam Bộ của nước ta có diện tích khoảng bao nhiêu? A. 450 nghìn ha. B. 400 nghìn ha. C. 300 nghìn ha. D. 500 nghìn ha.

Câu 5: Hai bể dầu lớn nhất hiện đang được khai thác ở nước ta là bể nào?

- A. Nam Côn Sơn và Sông Hồng. B. Thổ Chu -Mã Lai và Sông Hồng.
C. Nam Côn Sơn và Cửu Long. D. Đại Hùng và Bạch Hổ.

Câu 6: Trung bình mỗi năm nước ta có bao nhiêu cơn bão trực tiếp đổ bộ vào?

- A. 9 - 10 cơn. B. 2 - 3 cơn. C. 4 - 5 cơn. D. 3 - 4 cơn.

Câu 7: Hiện tượng sạt lở bờ biển thường xảy ra ở vùng nào của nước ta?

- A. Miền Trung. B. Nam Trung Bộ. C. Miền Bắc. D. Miền Nam.

Câu 8: Câu nào sau đây không đúng?

- A. Biển Đông nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.
B. Biển Đông là biển tương đối kín, phía Nam và Tây Nam được bao bọc bởi các vòng cung đảo.
C. Biển Đông là vùng biển rộng.
D. Nhờ biển Đông, khí hậu nước ta mang đặc tính hải dương nên điều hòa hơn.

Câu 9: Các rạn san hô tập trung nhiều ở những quần đảo nào của

nước ta? A. Phú Quốc –Phú Quý. B. Hoàng Sa –Trường Sa.

- C. Cồn Cỏ -Cát Bà. D. Lý Sơn –Hoàng Sa.

Câu 10: Để khai thác tổng hợp và phát triển kinh tế biển có hiệu quả, cần phải làm phải? A. Sử dụng hợp lý nguồn lợi thiên nhiên biển.

- B. Phòng chống ô nhiễm biển.
C. Thực hiện biện pháp phòng tránh thiên tai
D. Tập trung phát triển đánh bắt xa bờ.

Câu 11: Hiện nay rừng ngập mặn nước ta bị thu hẹp chủ yếu là do nguyên nhân nào? A. Chuyển đổi thành diện tích nuôi tôm, cá B. Cháy rừng.

- C. Khai thác rừng quá mức. D. Hạn chế trồng rừng mới.

Câu 12: Vùng biển nào ở nước ta thuận lợi làm muối nhất?

- A. Bắc Trung Bộ. B. Nam Bộ. C. Bắc Bộ. D. Nam Trung Bộ.

Câu 13: Vịnh Vân Phong, Cam Ranh thuộc tỉnh nào của nước ta?

- A. Bình Định. B. Phú Yên. C. Khánh Hòa. D. Ninh Thuận.

Câu 14: Huyện đảo nào ven bờ có giá trị về du lịch ở khu vực Nam Trung Bộ?

- A. Lý Sơn. B. Cồn Cỏ. C. Cát Bà. D. Phú Quốc.

Câu 15: Hạn chế lớn nhất của biển Đông là gì?

- A. Tài nguyên sinh vật biển bị suy giảm nghiêm trọng.

- B. Thường xuyên hình thành các cơn bão nhiệt đới.
C. Hiện tượng song thần do hoạt động của động đất và núi lửa.
D. Tác động của các cơn bão nhiệt đới và gió mùa Đông Bắc.
- Câu 16: Khu vực có điều kiện thuận lợi nhất để xây dựng cảng biển ở nước ta là khu vực nào? A. Vịnh Bắc Bộ. B. Bắc Trung Bộ.
C. Vịnh Thái Lan. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- Câu 17: Biển Đông nằm trong vùng nào?
A. Nhiệt đới. B. Cận xích đạo.
C. Nhiệt đới gió mùa. D. Nhiệt đới ẩm gió mùa.
- Câu 18: Biển Đông ảnh hưởng nhiều nhất, sâu sắc nhất đến thiên nhiên nước ta trong các lĩnh vực nào? A. Sinh vật. B. Khí hậu.
C. Địa hình. D. Cảnh quan ven biển.
- Câu 19: Hệ sinh thái trên đất phèn phổ biến nhất vùng nào của nước ta? A. Đồng bằng sông Hồng B. Đồng bằng sông Cửu Long
C. Đồng bằng Bắc Trung Bộ D. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- Câu 20: Gần đây vùng biển nào ở Quảng Nam bị xâm thực mạnh?
A. Mỹ Khê. B. Cửa Đại. C. Hà My. D. Tam Thanh.
- Câu 21: Trên phạm vi cả nước, địa hình đồng bằng và đồi núi thấp dưới 1000m nước ta chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm diện tích?
A. 85%. B. 75%. C. 25%. D. 95%.
- Câu 22: Loại đất chiếm diện tích lớn nhất của ĐB Sông Cửu Long là loại nào? A. Đất phèn. B. Đất mặn. C. Đất phù sa ngọt. D. Đất cát pha.
- Câu 23: Ranh giới phân chia vùng núi Tây Bắc và Trường Sơn Bắc? A. Sông Cả. B. Sông Mã. C. Sông Hồng. D. Dãy Bạch Mã.
- Câu 24: Vùng núi nào thấp và hẹp ngang được nâng cao ở 2 đầu?
A. Trường Sơn Bắc. B. Đông Bắc. C. Tây Bắc. D. Trường Sơn Nam.
- Câu 25: Nước ta có bao nhiêu con sông dài trên 10km? A. 2360. B. 3143. C. 3260.
D. 4000.
- Câu 26: Quá trình feralit diễn ra mạnh ở vùng nào của nước ta? A. Vùng đồi núi thấp. B. Vùng núi cao.
C. Bán bình nguyên. D. Đồng bằng.
- Câu 27: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất của ngành nào? A. Nông nghiệp. B. Lâm nghiệp. C. Công nghiệp. D. Dịch vụ nông nghiệp.
- Câu 28: Gió mùa Đông Bắc có hướng nào?
A. Đông Bắc. B. Đông Nam. C. Tây Nam. D. Tây Bắc.
- Câu 29: Các khối khí khi di chuyển qua biển thường mang lại gì cho nước ta? A. Lượng mưa lớn. B. Lượng mưa thấp.
C. Nhiệt độ thấp. D. Thời tiết nóng bức.
- Câu 30: Nhiệt độ trung bình năm trên toàn quốc nước ta khoảng bao nhiêu độ C? A. Trên 20°C. B. Nhỏ hơn 20°C. C. Trên 25°C. D. Trên 35°C.
- Câu 31: Mưa phùn là loại mưa diễn ra ở phạm vi lãnh thổ và thời gian nào? A. Diễn ra vào đầu mùa đông ở miền Bắc.
B. Diễn ra ở đồng bằng và ven biển miền Bắc vào đầu mùa đông.
C. Diễn ra vào nửa sau mùa đông ở miền Bắc.

D. Diễn ra ở đồng bằng và ven biển miền Bắc vào nửa sau mùa đông.

Câu 32: Đây là một đặc điểm của sông ngòi nước ta do chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa? A. Lượng nước phân bố không đều giữa các hệ sông.

B. Phần lớn sông chảy theo hướng tây bắc - đông nam.

C. Phần lớn sông đều ngắn dốc, dễ bị lũ lụt.

D. Sông có lưu lượng lớn, hàm lượng phù sa cao

Câu 33: Trong 4 địa điểm sau, nơi có mưa nhiều nhất?

A. Hà Nội. B. Huế. C. Nha Trang. D. Phan Thiết. Câu 34: Đất feralit ở nước ta thường bị chua vì sao?

A. Có sự tích tụ nhiều Fe_2O_3 .

B. Có sự tích tụ nhiều Al_2O_3 .

C. Mưa nhiều trôi hết các chất badan dễ tan.

D. Quá trình phong hoá diễn ra với cường độ mạnh.

Câu 35: Kiểu rừng tiêu biểu của nước ta hiện nay là:

A. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

B. rừng gió mùa thường xanh.

C. rừng gió mùa nửa rụng lá.

D. rừng ngập mặn thường xanh ven biển.

Câu 36: Căn cứ vào atlas địa lí Việt Nam trang 11, vùng tập trung diện tích đất mặn có quy mô lớn nhất ở nước ta là?

A. Đông Bắc

B. Đồng bằng sông Hồng

C. Duyên hải miền Trung

D. Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 37: Căn cứ vào atlas địa lí Việt Nam trang 11, hai loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở vùng Đông Nam Bộ?

A. Đất feralit trên đá badan, đất xám trên phù sa cổ.

B. Đất phù sa sông, đất xám trên phù sa cổ.

C. Đất phèn, đất feralit trên đá badan.

D. Đất xám trên phù sa cổ, đất feralit trên đá vôi.

Câu 38: Căn cứ vào atlas địa lí Việt Nam trang 11, hai hồ nước lớn ở lưu vực sông Đồng Nai là? A. Hồ Dầu Tiếng, hồ Lắc. B. Hồ Dầu Tiếng, hồ Kẻ Gỗ.

C. Hồ Dầu Tiếng, hồ Trị An.

D. Hồ Trị An, hồ Thác Bà.

Câu 39: Căn cứ vào atlas địa lí Việt Nam trang 11, vùng tập trung diện tích đất feralit trên đá badan có quy mô lớn nhất ở nước ta là?

A. Đông Bắc. B. Bắc Trung Bộ. C. Tây Nguyên. D. Đông Nam Bộ.

Câu 40: Căn cứ vào atlas địa lí Việt Nam trang 10, hệ thống sông lớn duy nhất ở nước ta có dòng chảy đổ sang Trung Quốc là?

A. Sông Hồng.

B. Sông Kỳ Cùng- Bằng Giang.

C. Sông Mê Kông.

D. Sông Thái Bình.

ĐÁP ÁN ĐỀ 1

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	A	C	C	C	D	A	B	B	D
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	A	D	C	A	D	D	D	B	B	B

Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	A	A	A	A	A	A	A	A	A	A
Câu	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	D	D	B	C	A	D	A	C	C	B

ĐỀ 2

*** Hãy chọn 1 ý đúng nhất trong các câu hỏi sau:**

Câu 1: Vùng nào ở nước ta có gió fơn Tây Nam hoạt động mạnh nhất? A. Vùng núi Tây Bắc. B. Vùng Trường Sơn Bắc.

C. Tây Nguyên. D. Cực Nam Trung Bộ.

Câu 2: Ý nghĩa to lớn của rừng đối với môi trường là:

A. cung cấp gỗ, củi. B. tài nguyên du lịch.

C. cân bằng sinh thái. D. cung cấp dược liệu.

Câu 3: Căn cứ vào trang 10 Atlas Địa lí Việt Nam, hãy cho biết đỉnh lũ trên sông Hồng vào tháng nào trong năm?

A. Tháng VII. B. Tháng VIII. C. Tháng IX. D. Tháng X.

Câu 4: Địa hình nằm chuyển tiếp giữa miền núi với đồng bằng là dạng địa hình nào? A. Địa hình sơn nguyên. B. Địa hình cao nguyên.

C. Địa hình núi thấp. D. Địa hình bán bình nguyên.

Câu 5: Gió mùa Đông Bắc vào lãnh thổ nước ta có nguồn gốc xuất từ đâu?

A. Trung tâm áp cao Xibia.

B. Trung tâm áp cao Nam Ấn Độ Dương.

C. Trung tâm áp cao Haoai.

D. Áp cao cận chí tuyến Nam bán cầu.

Câu 6: Căn cứ vào trang 14 Atlas Địa lí Việt Nam, Xác định khoáng sản nổi bật của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là:

A. than đá, apatít. B. đá vôi, quặng sắt. C. dầu khí, bô xít. D. thiếc, đá vôi.

Câu 7: Tính chất khép kín của biển Đông nước ta biểu hiện như thế nào về đặc điểm của hải lưu? A. Hướng chảy của hải lưu chịu ảnh hưởng của gió mùa

B. Biển nóng ẩm, độ mặn tương đối cao.

C. Vùng biển rộng có nhiều đảo, quần đảo.

D. Vùng biển chịu ảnh hưởng của gió mùa.

Câu 8: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, đỉnh núi có độ cao cao nhất ở vùng núi Trường Sơn Nam là đỉnh núi nào?

A. Kon Ka Kinh. B. Ngọc Linh. C. Lang Bian. D. Bà Đen.

Câu 9: Nửa sau mùa đông, gió mùa Đông Bắc thổi vào nước ta có tính chất lạnh ẩm, vì sao? A. Gió thổi lệch về phía Đông, qua biển.

B. Gió thổi qua lục địa Trung Quốc rộng lớn.

C. Gió di chuyển về phía Đông.

D. Gió càng gần về phía Nam.

Câu 10: Vùng địa hình nào của nước ta đón gió mùa đông Bắc đến sớm và kết thúc muộn? A. Địa hình vùng Tây Bắc. B. Địa hình vùng Đông Bắc.

C. Địa hình vùng Trường Sơn Bắc. D. Địa hình vùng Trường Sơn Nam.

Câu 11: Sự hình thành ba đai cao ở Tây Bắc của nước ta trước hết là do sự thay đổi của những nhân tố nào sau đây?

A. Đất đai.

B. Sinh vật.

C. Khí hậu.

D. Sông ngòi.

- Câu 12: Thành tựu to lớn trong về mặt xã hội mà công cuộc Đổi mới ở nước ta đạt được? A. Lạm phát được đẩy lùi.
B. Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao.
C. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng CNH-HĐH.
D. Công cuộc xóa đói, giảm nghèo, chất lượng cuộc sống được nâng lên.
- Câu 13: Ở nước ta, loại đất đặc trưng cho khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa là loại đất nào? A. Đất phèn, đất mặn. B. Đất cát. C. Đất feralit đỏ vàng. D. Đất phù sa ngọt.
- Câu 14: Số loài thực vật đưa vào Sách đỏ Việt Nam là:
A. 340 loài. B. 350 loài. C. 360 loài. D. 370 loài.
- Câu 15: Trong 10 nước Asean, tính trung bình giai đoạn 1987- 2004 tốc độ tăng trưởng GDP của nước ta là 6,9% đứng thứ 2 sau quốc gia nào?
A. Xingapo. B. Thái Lan. C. Malaysia. D. Brunây.
- Câu 16: Ranh giới giữa vùng núi Trường Sơn Bắc với Trường Sơn Nam là dãy núi nào? A. Dãy Bạch Mã. B. Sông Cả. C. Dãy Tam Hiệp. D. Dãy Hoành Sơn.
- Câu 17: Phía Tây của dãy Trường Sơn Nam có dạng địa hình gì?
A. Các núi thấp và thung lung rộng. B. Đồng bằng duyên hải.
C. Vùng bán bình nguyên. D. Các cao nguyên xếp tầng.
- Câu 18: Vùng nào có nhiều cao nguyên đá vôi nhất ở nước ta?
A. Tây Nguyên. B. Trường Sơn Bắc. C. Tây Bắc. D. Đông Bắc.
- Câu 19: Sự khác biệt rõ rệt giữa vùng núi Trường Sơn Bắc so với Trường Sơn Nam là gì? A. Địa hình cao hơn. B. Tính bất đối xứng giữa hai sườn rõ nét hơn.
C. Hướng núi vòng cung. D. Vùng núi gồm các khối núi và cao nguyên.
- Câu 20: Điểm giống nhau giữa hai đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long là gì? A. Có hệ thống đê sông và đê biển. B. Do nguồn gốc phù sa sông bồi tụ.
C. Có nhiều sông ngòi kênh rạch. D. Có diện tích rộng 40.000km².
- Câu 21: Việt Nam và Hoa Kỳ bình thường hóa quan hệ vào năm nào?
A. 1997. B. 1995. C. 1996. D. 1994.
- Câu 22: Vùng núi nào của nước ta có duy nhất 3 đai cao?
A. Vùng núi Tây Bắc. B. Vùng núi Đông Bắc.
C. Vùng núi Trường Sơn Bắc. D. Vùng núi Trường Sơn Nam.
- Câu 23: Thành tựu to lớn của nước ta trong công cuộc Đổi mới nền kinh tế? A. Đẩy mạnh hợp tác kinh tế - khoa học kỹ thuật.
B. Đẩy mạnh ngoại thương.
C. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ chuyển biến rõ nét.
D. Thu hút nhiều nguồn vốn từ nước ngoài.
- Câu 24: Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ được thể hiện rõ rệt ở điểm nào? A. Các vùng chuyên canh nông nghiệp được phát triển.
B. Tỷ trọng của ngành nông – lâm- ngư nghiệp giảm.
C. Hội nhập kinh tế được đẩy mạnh.
D. Mở rộng thị trường xuất khẩu.
- Câu 25: Trên bản đồ thế giới Việt Nam nằm ở khu vực nào?
A. Bán đảo Trung Ấn. B. Rìa phía đông bán đảo Đông Dương.
C. Phía đông Thái Bình Dương. D. Rìa phía Đông châu Á.

Câu 26: Nhờ tiếp giáp biển, nên thiên nhiên nước ta có thuận lợi gì? A. Nền nhiệt độ cao, nhiều nắng.

B. Nhiều tài nguyên khoáng sản và sinh vật.

C. Thiên nhiên xanh tốt, giàu sức sống.

D. Khí hậu thấy hai mùa rõ rệt.

Câu 27: Điểm cực Bắc, Nam, Tây, Đông phần đất liền của nước ta thuộc các tỉnh nào?

A. Hà Giang, Cà Mau, Điện Biên, Ninh Thuận.

B. Hà Giang, Cà Mau, Lai Châu, Khánh Hòa.

C. Hà Giang, Cà Mau, Điện Biên, Khánh Hòa.

D. Hà Giang, Lai Châu, Điện Biên, Cao Bằng.

Câu 28: Tỉnh nào là tỉnh đầu và tỉnh cuối của Việt Nam giáp biển? A. Quảng Ninh, Kiên Giang. B. Móng Cái, Hà Tiên.

C. Quảng Ninh, Hà Tiên.

D. Móng Cái, Vũng Tàu.

Câu 29: Vùng kinh tế duy nhất của nước ta không giáp biển là vùng nào?

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

C. Đông Nam Bộ.

D. Tây Nguyên.

Câu 30: Vùng biển Đông của nước ta rộng bao nhiêu km²?

A. 1 triệu km². B. Trên 2 triệu km². C. Trên 1 triệu km². D. Dưới 1 triệu km².

Câu 31: Trên đất liền điểm cực Bắc, cực Nam của nước ta nằm ở vĩ độ nào?

A. 23°23' và 8°34'B.

B. 23°27' và 8°38'B.

C. 23°24' và 8°38'B.

D. 23°23' và 8°18'B.

Câu 32:

Theo chiều Tây - Đông, phần đất liền nước ta nằm trong giới hạn kinh tuyến bao nhiêu?

A. 102°09'Đ- và 109°24'Đ.

B. 102°10'Đ- và 108°24'Đ.

C. 102°09'Đ- và 107°24'Đ.

D. 102°09'Đ- và 106°24'Đ.

Câu 33: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25; hãy xác định cửa khẩu Bờ Y giữa Việt Nam với Lào nằm ở tỉnh nào?

A. Quảng Ninh.

B. Đồng Tháp.

C. Gia Lai.

D. Kon Tum.

Câu 34: Lãnh thổ của Việt Nam bao gồm những bộ phận nào?

A. Phần đất liền và vùng biển.

B. Phần đất liền, vùng biển và vùng trời.

C. Vùng trời.

D. Phần đất liền, hải đảo, vùng biển, vùng trời.

Câu 35: Theo nguồn niên giám thống kê 2006 tổng diện tích vùng đất liền và các hải đảo Việt Nam là:

A. 331. 211 km².

B. 331. 212 km².

C. 331. 150 km².

D. 331. 214 km².

Câu 36: Cửa khẩu nào sau đây nằm trên đường biên giới Việt - Trung?

A. Lào Cai.

B. Cầu treo.

C. Vĩnh Xương.

D. Mộc Bài.

Câu 37: Nguyên nhân chủ yếu gây mưa vào mùa hạ ở nước ta (trừ Trung Bộ) là hoạt động của loại gió?

A. Gió mùa Tây Nam và Tín phong. B. Gió mùa Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới.

C. Tín phong và dải hội tụ nhiệt đới. D. Gió mùa Tây Nam và gió mùa Đông Bắc.

Câu 38: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, nhiệt độ trung bình tháng I ở miền Bắc bao nhiêu 0°C?

A. Từ 14->18°C.

B. Từ 18->20°C.

C. Từ 20->24°C.

D. >24°C.

Câu 39: Đại ôn đới gió mùa trên núi ở độ cao trên (m)?

A. 2.500m.

B. 2.600m.

C. 2.700m.

D. 2.800m.

Câu 40: Đặc trưng cơ bản về khí hậu của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là:

- A. gió fơn Tây Nam hoạt động mạnh.
 B. tính chất nhiệt đới tăng dần theo vĩ độ.
 C. gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh tạo nên mùa đông lạnh.
 D. có mùa mưa và mùa khô rõ rệt.

ĐÁP ÁN ĐỀ 2

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	B	B	D	A	C	C	B	A	B
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	C	D	C	C	A	A	D	C	B	B
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	B	A	C	A	B	C	C	A	D	C
Câu	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	A	A	D	D	B	A	B	D	D	C

ĐỀ 3

*** Hãy chọn 1 ý đúng nhất trong các câu hỏi sau:**

Câu 1. Công cuộc đổi mới ở nước ta được thực hiện đầu tiên trong lĩnh vực:

- A. Chính trị. B. Công nghiệp. C. Nông nghiệp. D. Dịch vụ.

Câu 2. Biểu hiện rõ nhất của tình trạng khủng hoảng kinh tế của nước ta sau năm 1975 là:

A. Nông nghiệp là ngành chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP.

B. Tỷ lệ tăng trưởng GDP rất thấp, chỉ đạt 0,2% /năm.

C. Lạm phát kéo dài, có thời kì lên đến 3 con số.

D. Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế âm, cung nhỏ hơn cầu. Câu 3. Biển Đông là vùng biển lớn nằm ở phía:

A. Nam Trung Quốc và Đông Bắc Đài Loan.

B. Phía Đông Philippin và phía Tây Việt Nam.

C. Phía Đông Việt Nam và Tây Philippin.

D. Phía Bắc của Singapore và phía Nam Malaysia.

Câu 4. Vùng đất của Việt Nam có tổng diện tích là bao nhiêu?

- A. 331.331 km². B. 331.212 km². C. 331.313 km². D. 331.221 km².

Câu 5. Ở nước ta, loại tài nguyên có triển vọng khai thác lớn nhưng chưa được chú ý đúng mức:

A. Tài nguyên đất. B. Tài nguyên biển.

C. Tài nguyên rừng. D. Tài nguyên khoáng sản.

Câu 6. Loại gió nào sau đây tác động thường xuyên đến toàn bộ lãnh thổ nước ta?

- A. Gió Mậu dịch. B. Gió mùa. C. Gió Phơn. D. Gió địa phương.

Câu 7. Phạm vi của vùng nội thủy được xác định như thế nào?

A. Là vùng nước tiếp giáp với đất liền, rộng 12 hải lý.

B. Là vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển.

C. Là vùng nước tiếp giáp với đất liền, phía trong đường cơ sở.

D. Là vùng nước tiếp giáp với đất liền, rộng 200 hải lý.

Câu 8. Quần đảo Trường Sa (Việt Nam) thuộc tỉnh nào?

- A. Khánh Hòa. B. Đà Nẵng. C. Quảng Ngãi. D. Bình Thuận.

Câu 9. Địa hình chủ yếu ở nước ta là:

A. Núi cao trên 2000m. B. Núi thấp dưới 1000m.

C. Núi trung bình trên 1000m. D. Đồng bằng.

- Câu 10. Hướng núi đặc trưng vùng Đông Bắc nước ta là gì?
A. Bắc – Nam. B. Đông – Tây. C. Tây Bắc – Đông Nam. D. Vòng cung.
- Câu 11. Vùng núi Tây Bắc nước ta nằm giữa hai con sông nào?
A. Sông Hồng, Sông Gâm. B. Sông Hồng, Sông Mã.
C. Sông Hồng, Sông Cả. D. Sông Hồng, Sông La.
- Câu 12. Đồng bằng nào sau đây rộng khoảng 15.000 km²?
A. Đồng bằng sông Hồng. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Đồng bằng sông Mã. D. Đồng bằng sông Cả.
- Câu 13. Điều nào không đúng về biển Đông?
A. Diện tích 3,447 triệu km².
B. Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa.
C. Vùng biển tương đối kín.
D. Là biển rộng nhất trong Thái Bình Dương.
- Câu 14. Hệ sinh thái rừng ngập mặn ở nước ta đứng thứ mấy thế giới?
A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.
- Câu 15. Tài nguyên khoáng sản nào có trữ lượng lớn và giá trị nhất ở vùng biển nước ta?
A. Dầu khí. B. Muối biển. C. Cát. D. Thủy hải sản.
- Câu 16. Việt Nam có mấy lần mặt trời lên thiên đỉnh?
A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.
- Câu 17. Gió mùa mùa đông ở nước ta hoạt động vào thời gian nào?
A. Từ tháng 1 đến tháng 6. B. Từ tháng 5 đến tháng 10.
C. Từ tháng 7 đến tháng 12. D. Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.
- Câu 18. Quá trình nào là quá trình hình thành đất đặc trưng cho vùng nhiệt đới ẩm?
A. Quá trình granit. B. Quá trình trầm tích.
C. Quá trình feralit. D. Quá trình bồi tụ phù sa.
- Câu 19. Quá trình chính trong sự hình thành và biến đổi địa hình Việt nam hiện nay là gì?
A. Quá trình xâm thực- vận chuyển. B. Quá trình xâm thực - bồi tụ.
C. Quá trình vận chuyển – bồi tụ. D. Quá trình bào mòn – bồi tụ.
- Câu 20. Sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa nước ta dựa trên cơ sở nào?
A. Phát triển khoa học công nghệ và giáo dục – đào tạo.
B. Phát triển công nghiệp nặng.
C. Phát triển giáo dục – đào tạo.
D. Phát triển y tế , văn hóa.
- Câu 21. Nguyên nhân nào dẫn đến nước ta có tài nguyên sinh vật phong phú?
A. Lãnh thổ phân hóa kéo dài theo nhiều vĩ độ.
B. Nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.
C. Nằm gần vành đai sinh khoáng.
D. Nằm trên đường di lưu của nhiều loại sinh vật.
- Câu 22. Những đỉnh cao trên 2000m vùng Đông Bắc nằm trên vùng nào sau đây?
A. Thượng nguồn sông Hồng. B. Thượng nguồn sông Chảy.
C. Thượng nguồn sông Kỳ Cùng. D. Thượng nguồn sông Lô.
- Câu 23. Đồng bằng nào ở nước ta có 2/3 diện tích là đất mặn, đất phèn?
A. Đồng bằng sông Hồng. B. Đồng bằng Quảng Nam.

- C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Đồng bằng Thanh Hóa.
- Câu 24. Đâu **không phải** đặc điểm của vùng núi Đông Bắc?
- A. Hướng núi chủ yếu là vòng cung.
B. Thấp dần xuống đồng bằng sông Hồng.
C. Núi cao >2000 m giáp biên giới Việt - Trung.
D. Phía Tây là các cao nguyên đất đỏ badan.
- Câu 25. Hạn chế lớn nhất của biển Đông là gì?
- A. Tài nguyên sinh vật đang suy giảm.
B. Có nhiều bão nhiệt đới.
C. Xảy ra động đất núi lửa kèm sóng thần.
D. Tài nguyên dầu mỏ lớn tập trung phía Nam.
- Câu 26. Nguyên nhân chính gây ra mùa khô ở Nam Bộ do đâu?
- A. Gió mùa Đông Bắc. B. Gió mùa Tây Nam. C. Gió Mậu dịch D. Gió phơn.
- Câu 27. Hệ sinh thái rừng đặc trưng nước ta là gì?
- A. Rừng gió mùa thường xanh. B. Rừng gió mùa nửa rụng lá.
C. Rừng thứ sinh thường xanh. D. Rừng lá rộng thường xanh.
- Câu 28. Thách thức lớn khi Việt Nam tiến tới hội nhập là:
- A. tính cạnh tranh cao. B. khó tiếp cận thị trường mới
C. chất lượng sản phẩm thấp. D. nền kinh tế còn kém phát triển
- Câu 29. Với thế mạnh vị trí địa lý mang lại, nước ta nên phát huy cao độ loại hình giao thông vận tải nào?
- A. Đường ô tô và đường sắt. B. Đường sắt và đường biển
C. Đường biển và đường hàng không. D. Đường hàng không và ô tô
- Câu 30. Khu vực nào thuận lợi nhất để xây dựng cảng biển ở nước ta?
- A. Vịnh Bắc Bộ B. Vịnh Thái Lan
C. Bắc Trung Bộ D. Duyên hải Nam Trung Bộ
- Câu 31. Hạn chế lớn nhất của vùng núi đá vôi nước ta là:
- A. Dễ xảy ra lũ nguồn, lũ quét. B. Nhiều nguy cơ phát sinh động đất.
C. Dễ xảy ra tình trạng thiếu nước. D. Nạn cháy rừng dễ diễn ra nhất.
- Câu 32. Ý nào sau đây của địa hình đồi núi góp phần chính phát triển kinh tế nước ta?
- A. Phát triển du lịch miền núi.
B. Giàu tài nguyên rừng nhất là sinh vật quý hiếm.
C. Tiềm năng thủy điện lớn từ sông có công suất trên 30 triệu Kw.
D. Đồng bằng nhận lượng phù sa lớn.
- Câu 33. Nguyên nhân nào khiến nước ta có mùa đông bớt lạnh, mùa hè bớt nóng là nhờ điều gì?
- A. Nằm gần xích đạo. B. $\frac{3}{4}$ là đồi núi.
C. Nằm trong vùng nội chí tuyến. D. Giáp biển Đông.
- Câu 34. Phía Nam đèo Hải Vân vào mùa đông vẫn có gió Đông Bắc, đó là loại gió nào sau đây?
- A. Gió mùa mùa đông biển tính vượt qua dãy Bạch Mã.
B. Gió địa phương hoạt động quanh năm.
C. Gió Tín phong bán cầu Bắc thổi đến.
D. Khối khí từ Ấn Độ Dương xâm nhập.
- Câu 35. Nguyên nhân nào khiến đất feralit ở nước ta thường bị chua?
- A. Quá trình phong hóa mạnh mẽ.
B. Mưa nhiều rửa trôi các bazơ dễ tan.

C. Tích tụ nhiều oxit sắt.

D. Tích tụ nhiều oxit nhôm.

Câu 36. Ở khu vực đồng bằng **không** có thể mạnh nào sau

đây? A. Phát triển thủy điện.

B. Cung cấp nguồn thủy sản.

C. Phát triển nông nghiệp nhiệt đới.

D. Cơ sở xây dựng các thành phố, trung tâm công nghiệp.

Câu 37. Trong 4 địa điểm sau, địa điểm nào mưa nhiều nhất?

A. Hà Nội.

B. Huế.

C. Nha Trang.

D. Phan Thiết.

Câu 38. Thời gian khô hạn nhất kéo dài tập trung ở các tỉnh nào sau

đây? A. Ninh Thuận và Bình Thuận.

B. Huyện Mường Xén của Nghệ An.

C. Quảng Bình và Quảng Trị.

D. Sơn La và Lai Châu.

Câu 39. Lũ quét thường xảy ra ở vùng núi phía Bắc vào thời gian

nào? A. Tháng 5 đến tháng 9.

B. Tháng 6 đến tháng 10.

C. Tháng 7 đến tháng 11.

D. Tháng 4 đến tháng 8.

Câu 40: Để hạn chế thiệt hại do bão gây ra đối với các vùng đồng bằng ven biển, thì biện pháp phòng chống tốt nhất là:

A. Sơ tán dân đến nơi an toàn.

B. củng cố công trình đê biển, bảo vệ rừng phòng hộ ven biển.

C. Thông báo cho tàu thuyền trên biển phải tránh xa vùng tâm bão.

D. Có biện pháp phòng chống lũ ở đầu nguồn các con sông lớn.

ĐÁP ĐỀ 3

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	C	C	CB	B	A	C	A	B	D
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	C	A	D	B	A	B	D	C	B	A
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	D	B	C	D	B	C	B	A	C	D
Câu	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	C	C	D	C	B	A	B	A	B	B

ĐỀ 4

*** Hãy chọn 1 ý đúng nhất trong các câu hỏi sau:**

Câu 1. Đường lối Đổi mới của nước ta được khẳng định từ năm nào?

A. 1984.

B. 1985.

C. 1986.

D. 1987.

Câu 2. Thành tựu về mặt xã hội mà công cuộc Đổi mới của nước ta đã đạt được là: A. Thoát khỏi lạm phát kéo dài.

B. Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao.

C. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực.

D. Đời sống vật chất tinh thần của nhân dân được cải thiện.

- Câu 3. Trong quá trình toàn cầu hóa, Việt Nam đã đặc biệt tranh thủ được các nguồn lực nào từ bên ngoài?
- A. Vốn, thị trường và công nghệ. B. Vốn, nguồn nhân công và công nghệ.
C. Vốn, cơ sở hạ tầng và công nghệ. D. Vốn, thị trường và tài nguyên thiên nhiên.
- Câu 4. Lãnh thổ thống nhất và toàn vẹn của một quốc gia bao gồm:
- A. Vùng đất liền, vùng đảo, vùng trời.
B. Vùng đất, vùng bán đảo, vùng trời.
C. Vùng đất, vùng quần đảo, vùng trời.
D. Vùng đất, vùng biển, vùng trời.
- Câu 5. Đường biên giới biển được tính là:
- A. ranh giới ngoài của vùng tiếp giáp lãnh hải.
B. ranh giới ngoài của vùng lãnh hải.
C. ranh giới trong của vùng lãnh hải
D. ranh giới ngoài của vùng đặc quyền kinh tế.
- Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4,5, hãy xác định tỉnh nào sau đây vừa giáp Trung Quốc và Lào?
- A. Lai Châu. B. Điện Biên. C. Lào Cai. D. Sơn La.
- Câu 7. Vị trí địa lí đã quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta là: A. mang tính chất nhiệt đới ẩm.
B. có nền nhiệt cao và độ ẩm lớn.
C. Mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.
D. Có thảm thực vật xanh tốt quanh năm.
- Câu 8. Nơi nào của nước ta có khoảng cách thời gian 2 lần Mặt Trời lên thiên đỉnh xa nhất? A. Cực Bắc. B. Cực Nam. C. Cực Đông. D. Cực tây.
- Câu 9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy xác định 2 tỉnh nào ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long không giáp biển?
- A. Bến Tre, Trà Vinh. B. An Giang, Đồng Tháp.
C. Sóc Trăng, Bạc Liêu. D. Cà Mau, Kiên Giang.
- Câu 10. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6,7 hãy nêu hướng chính của địa hình đồi núi nước ta: A. Tây Bắc – Đông Nam, Bắc Nam. B. Tây Bắc – Đông Nam, Đông Tây.
C. Tây Bắc – Đông Nam, vòng cung. D. Vòng cung, Bắc Nam.
- Câu 11. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy xác định ranh giới giữa 2 vùng núi Tây Bắc và Trường Sơn Bắc:
- A. Sông Chu. B. Sông Đà. C. Sông Mã. D. Sông Cả.
- Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy xác định dãy núi nào có giới hạn từ biên giới Việt – Trung tới khuỷu sông Đà?
- A. Hoàng Liên Sơn. B. Pu-den-đinh. C. Pu-sam-sao. D. Khoan-la-san.
- Câu 13. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy xác định vùng núi Đông Bắc địa hình có độ cao thay đổi theo hướng như thế nào?
- A. Thấp dần từ Tây sang Đông. B. Thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam.

C. Thấp dần từ Đông Nam xuống Tây Bắc. D. Thấp dần từ Đông Bắc xuống Tây Nam.

Câu 14. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6,7, hãy xác định dãy đồi trung du rộng nhất nằm ở phía Bắc và phía Tây của vùng nào sau đây?

- A. Duyên hải miền Trung. B. Đông Nam Bộ.
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 15. Đồng bằng duyên hải miền Trung phân chia làm 3 dải từ Đông sang Tây là: A. cồn cát, đầm phá, đồng bằng, vùng thấp trũng.

- B. cồn cát, đầm phá, vùng thấp trũng, đồng bằng.
C. vùng thấp trũng, cồn cát, đầm phá, đồng bằng.
D. đồng bằng, vùng thấp trũng, cồn cát, đầm phá.

Câu 16. Diện tích đất chủ yếu của đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. đất phù sa. B. đất mặn và đất phù sa.
C. đất phèn và đất phù sa. D. đất phèn và đất mặn.

Câu 17. Khu vực đồi núi có thế mạnh nào trong sản xuất nông nghiệp?

- A. Chuyên canh cây công nghiệp, cây lương thực, chăn nuôi gia cầm
B. Chuyên canh cây ăn quả, cây lương thực, chăn nuôi gia súc nhỏ
C. Chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc lớn
D. Chuyên canh cây lương thực, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc nhỏ

Câu 18. Hai bể dầu lớn nhất đang được khai thác của nước ta hiện nay là:

- A. bể Nam Côn Sơn và bể sông Hồng. B. bể Nam Côn Sơn và bể Cửu Long.
C. bể Cửu Long và bể sông Hồng. D. Bể Cửu Long và bể Thổ Chu – Mã Lai.

Câu 19. Biểu hiện nào sau đây thể hiện biển Đông làm giảm tính chất khắc nghiệt của thời tiết nước ta? A. Giảm bớt lạnh ẩm trong mùa đông và nóng khô trong mùa hè.

- B. Làm tăng độ ẩm của các khối khí qua biển.
C. Giảm bớt tính lạnh khô trong mùa đông và nóng bức trong mùa hè.
D. Là cho khí hậu nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 20. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6,7, hãy xác định vịnh Vân Phong thuộc tỉnh nào? A. Bình Định. B. Phú Yên. C. Khánh Hòa.

D. Quảng Ngãi.

Câu 21. Dải bờ biển của vùng nào ở nước ta chịu ảnh hưởng của hiện tượng sạt lở bờ biển nhiều nhất? A. Vùng Đông Bắc. B. Vùng đồng bằng sông Hồng.

- C. Vùng duyên hải miền Trung. C. Vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 22. Tại sao ven biển Nam Trung Bộ có điều kiện thuận lợi cho nghề làm muối? A. Nơi có nhiệt độ cao, nhiều nắng, chỉ có một số sông nhỏ đổ ra biển.

- B. Nơi có nhiệt độ cao, độ ẩm lớn, chỉ có một số sông nhỏ đổ ra biển.
C. Nơi có nhiệt độ cao, dòng biển nóng, nhiều sông nhỏ đổ ra biển.
D. Nơi có nhiệt độ cao, nhiều mưa, nhiều sông nhỏ đổ ra biển.

Câu 23. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6,7, hãy xác định khu vực có thềm lục địa bị thu hẹp trên biển Đông thuộc vùng nào?

- A. Bắc Bộ. B. Bắc Trung Bộ. C. Nam Trung Bộ. D. Nam Bộ.

Câu 24. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy xác định gió mùa mùa hạ của nước ta có hướng nào?

A. Tây Bắc. B. Tây Nam. C. Đông Bắc. D. Đông Nam.

Câu 25. Khi di chuyển xuống phía nam, gió mùa Đông Bắc hầu như bị chặn lại ở:

A. Sông Bến Hải. B. Dãy Bạch Mã.
C. Dãy Hoàng Sơn. D. Cao nguyên Kon tum.

Câu 26. Nguyên nhân nào tạo nên tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta? A. Hình dạng lãnh thổ trải dài. B.

Nằm trong vùng nội chí tuyến.

C. Địa hình chủ yếu là đồi núi. D. Tiếp giáp với biển Đông.

Câu 27. Gió Tây Nam nửa cuối mùa hạ ở nước ta bắt nguồn từ đâu?

A. Áp cao bắc Ấn Độ Dương. B. Áp cao cận chí tuyến bán cầu Bắc.
C. Áp cao Xi-bia. D. Áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam.

Câu 28. Nước ta chịu ảnh hưởng của 2 loại gió nào?

A. Gió tín phong và gió Tây ôn đới. B. Gió tín phong và gió mùa.
C. Gió tín phong và gió fơn. C. Gió

mùa và gió fơn. Câu 29. Cho bảng số liệu: Nhiệt độ trung bình tháng I của nước ta ($^{\circ}\text{C}$)

Địa điểm	Lạng Sơn	Hà Nội	Huế	Đà Nẵng	Quy Nhơn	TP Hồ Chí Minh
Nhiệt TB tháng I	13,3	16,4	19,7	21,3	23,0	25,8

Nhận định nào sau đây đúng nhất?

A. Nhiệt trung bình tháng I của nước ta tăng khi đi từ Bắc vào Nam.
B. Nhiệt trung bình tháng I của nước ta giảm khi đi từ Bắc vào Nam.
C. Nhiệt trung bình tháng I của nước ta từ Huế trở ra bắc rất thấp.
D. Nhiệt trung bình tháng I của nước ta từ Đà Nẵng trở vào nam rất cao.

Câu 30. Trong chế độ khí hậu, miền nam có sự phân mùa như thế nào? A. Mùa đông lạnh ít mưa, mùa hè nóng ẩm mưa nhiều.

B. Mùa khô và mùa mưa.

C. Mùa đông lạnh, mùa hè nóng. D. Mùa đông lạnh khô, mùa hè nóng bức.

Câu 31. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy xác định vùng nào sau đây có lượng mưa trung bình năm ít nhất nước ta?

A. Tây Bắc. B. Bắc Trung Bộ. C. Cực Nam Trung Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 32. Khu vực nào chịu tác động mạnh nhất của gió mùa Đông Bắc ở nước ta? A. Đồng bằng sông Hồng. B. Vùng núi Tây Bắc.

C. Vùng núi Đông Bắc. D. Vùng núi Trường Sơn Bắc.

Câu 33. Vùng nào của nước ta chịu ảnh hưởng mạnh nhất của hiện tượng fơn? A. Đồng bằng sông Hồng. B. Bắc Trung Bộ.

C. Nam Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long. Câu 34. Quá trình feralit diễn ra mạnh mẽ ở vùng nào sau đây?

A. Đồi núi cao, trên đá mẹ axit. B. Đồi núi thấp, trên đá mẹ axit.

C. Đồi núi cao, trên đá mẹ bazan. D. Đồi núi thấp, trên đá mẹ bazan. Câu 35. Nguyên nhân tại sao chế độ

nước sông của nước ta theo mùa? A. Sông ngòi nước ta nhiều nhưng phần lớn là sông ngòi nhỏ.

B. Sông ngòi nước ta có tổng lượng nước lớn.

C. Lượng nước sông được cung cấp chủ yếu là từ phần lưu vực ngoài lãnh thổ.

D. Nhịp điệu dòng chảy của sông theo sát nhịp điệu mùa mưa.

Câu 36. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta có ảnh hưởng trực tiếp và rõ rệt nhất tới hoạt động kinh tế nào?

A. Sản xuất công nghiệp. B. Sản xuất nông nghiệp. C. Thương mại.

D. Du lịch. Câu 37. Cảnh quan rừng tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Nam là:

A. rừng cận nhiệt gió mùa.

B. rừng nhiệt đới gió mùa.

C. rừng xích đạo ẩm.

D. rừng cận xích đạo gió mùa.

Câu 38. Ở phần lãnh thổ phía Nam, sự phân chia mùa mưa và mùa khô thể hiện rõ nhất từ vĩ tuyến nào? A. 14°B trở vào. B. 15°B trở vào. C. 16°B trở vào. D. 18°B trở vào.

Câu 39. Nguyên nhân nào khiến nguồn tài nguyên sinh vật dưới nước, đặc biệt nguồn hải sản nước ta suy giảm nghiêm trọng?

A. Ô nhiễm môi trường nước và các thiên tai.

B. Ô nhiễm môi trường nước và khai thác tài nguyên quá mức.

C. Ô nhiễm môi trường nước và biến đổi khí hậu.

D. Biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường nước.

Câu 40. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam, hãy xác định vườn quốc gia Bù Gia Mập thuộc tỉnh nào? A. Bình Dương. B. Bình Phước. C. Tây Ninh. D. Long An.

ĐÁP ÁN ĐỀ 4

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	D	A	D	B	B	C	B	B	C
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	D	A	B	C	B	D	C	B	C	C
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	C	A	C	B	B	B	D	B	A	B
Câu	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	C	C	B	B	D	B	D	A	B	B

ĐỀ 5

* Hãy chọn 1 ý đúng nhất trong các câu hỏi sau:

Câu 1: Vùng biển được xem như bộ phận lãnh thổ trên đất liền của nước ta là vùng:

A. đặc quyền kinh tế. B. tiếp giáp lãnh hải. C. nội thủy. D. lãnh hải

Câu 2: Căn cứ vào Atlas địa lý Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi Tam Đảo có hướng nào sau đây? A. Đông Bắc – Tây Nam. B. Tây Bắc – Đông Nam.

C. Vòng cung. D. Đông Tây.

Câu 3: Nước ta có nguồn tài nguyên sinh vật phong phú nhờ:

A. Lãnh thổ kéo dài từ 8°34'B đến 23°23'B nên thiên nhiên có sự phân hoá đa dạng.

B. Nằm hoàn toàn trong miền nhiệt đới Bắc bán cầu thuộc khu vực châu Á gió mùa

- C. Nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và hải dương trên vành đai sinh khoáng của thế giới.
D. Nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và hải dương trên đường di lưu của các loài sinh vật.

Câu 4: Đặc điểm nào sau đây đúng với khí của phần lãnh thổ phía Bắc ở nước ta?

- A. Không có nhiệt độ tháng nào dưới 20°C
B. Nhiệt độ trung bình năm trên 25°C
C. Khí hậu có tính chất cận xích đạo.
D. Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn.

Câu 5: Quốc gia nào sau đây không có đường biên giới với Trung Quốc? A. Việt Nam. B. Lào. C. Miến Điện.

D. Thái Lan.

Câu 6: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết dãy núi nào sau đây **không** chạy theo hướng tây bắc – đông nam?

- A. Hoàng Liên Sơn B. Con Voi C. Đông Triều
D. Tam Đảo
- Câu 7: Vĩ tuyến được coi là ranh giới giữa hai miền khí hậu của nước ta là

- A. 12°B . B. 14°B . C. 18°B . D. 16°B .

Câu 8: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, thời kì có bão đổ bộ trực tiếp từ biển Đông vào vùng khí hậu Bắc Trung Bộ là

- A. tháng XI. B. tháng X. C. tháng IX. D. tháng VIII.

Câu 9: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết biểu đồ khí hậu nào dưới đây có nhiệt độ trung bình các tháng luôn trên 25°C ?

- A. Biểu đồ khí hậu Đà Nẵng. B. Biểu đồ khí hậu TP. Hồ Chí Minh.
C. Biểu đồ khí hậu Sa Pa. D. Biểu đồ khí hậu Hà Nội

Câu 10: Nguyên nhân chủ yếu gây mưa mùa hạ cho hai miền Nam, Bắc và mưa vào tháng 9 cho Trung Bộ là hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới với

- A. gió Tín phong bán cầu bắc. B. gió Tây Nam vịnh Bengan
C. gió Đông Nam vịnh Bắc Bộ D. gió mùa Tây Nam.

Câu 11: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 6 và 7, hãy cho biết gió mùa mùa hạ khi thổi đến vịnh Bắc Bộ có hướng

- A. Đông Bắc. B. Đông Nam. C. Tây Bắc. D. Tây Bắc.

Câu 12: Do lãnh thổ nước ta kéo dài trên nhiều vĩ độ nên tự nhiên nước ta có sự phân hóa rõ rệt A. giữa miền núi và đồng bằng. B. giữa đất liền và biển.

C. giữa miền Bắc với miền Nam. D. giữa đồi núi và ven biển.

Câu 13: Hướng nghiêng chủ yếu của địa hình

nước ta là A. Tây Nam – Đông Bắc. B. Tây

Bắc – Đông Nam.

C. Đông Bắc – Tây Nam. D. Đông Nam – Tây Bắc.

Câu 14: Ở độ cao 1600- 1700 đến 2600m có

- A. nhiều thú có lông dày như gấu, sóc,... B. nhiều chim thú cận nhiệt phương Bắc
C. rừng cận nhiệt rộng và lá kim. D. rêu, địa y phủ kín thân, cành cây.

Câu 15: Ý nghĩa về mặt tự nhiên của vị trí địa lý nước ta là

- A. nằm trong khu vực có nền kinh tế năng động B. có nguồn tài nguyên, khoáng sản phong phú

C.thực hiện chính sách mở cửa hội nhập

D.chung sống hòa bình, hợp tác với các nước

Câu 16: Đại nhiệt đới gió mùa không có đặc điểm nào dưới đây?

A. Nhiệt độ trung bình năm trên 25°C

B. Có các hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa, rừng nhiệt đới ẩm thường xanh.

C. Gồm đất đồng bằng và đất đồi núi.

D. Nằm ở độ cao 600m - 700m đến độ cao 2600m.

Câu 17: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam, trang 23 cho biết cửa khẩu nào sau đây nằm trên biên giới Việt –Trung?

A. Lào Cai. B. Mộc Bài. C. Cầu Treo.

D. Vĩnh Xương. Câu 18: Tổng lượng phù sa hàng năm sông ngòi nước ta vận chuyển được là: khoảng A. 180 triệu tấn/năm. B. 150 triệu tấn/năm.

C. 200 triệu tấn/năm. D. 100 triệu tấn/năm.

Câu 19: Nguyên nhân chính làm cho mùa đông ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ đến sớm và kết thúc muộn là:

A. vị trí địa lý nằm ở vĩ độ cao. B. hoạt động của gió mùa Đông Bắc.

C. địa hình đa phần là đồi núi thấp. D. cấu trúc địa hình dạng cánh cung.

Câu 20: Từ sau Đại hội VI của Đảng, ngành kinh tế nước ta được đổi mới đầu tiên là: A. Nông nghiệp. B. Công nghiệp và xây dựng.

C. Dịch vụ. D. Cả 3 lĩnh vực kinh tế trên.

Câu 21: Sự thất thường của nhịp điệu mùa khí hậu, của dòng chảy sông ngòi và tính bất ổn định cao của thời tiết là những trở ngại lớn trong việc sử dụng thiên nhiên của vùng A. Tây Bắc. B. Bắc Trung Bộ.

C. Đông Bắc Bắc Bộ. D. Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

Câu 22: Căn cứ vào Atlas địa lý Việt Nam, trang 9, cho biết phát biểu nào sau đây không đúng với đặc điểm khí hậu nước ta?

A. Biên độ nhiệt tăng dần từ Bắc vào Nam.

B. Khí hậu phân hóa đa dạng.

C. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C (trừ vùng núi cao)

D. Biến trình nhiệt miền Bắc có hai cực đại và hai cực tiểu.

Câu 23: Phát biểu nào sau đây đúng về đặc điểm thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc nước ta? A. Nhiệt độ trung bình năm dưới 20°C, có mùa đông lạnh.

B. Thành phần loài nhiệt đới chiếm ưu thế.

C. Khí hậu có hai mùa mưa và khô rõ rệt.

D. Biên độ nhiệt trung bình năm rõ rệt.

Câu 24: Sự khác nhau rõ nét về địa hình giữa sườn đông và sườn tây của dãy Trường Sơn là A. tính bất đối xứng giữa hai sườn rõ nét.

B. địa hình của sườn đông thoải, sườn tây dốc.

C. vùng núi gồm các khối núi và cao nguyên đồ sộ.

D. địa hình núi phía đông cao hơn phía tây.

Câu 25: Vùng núi Trường Sơn Bắc được giới hạn từ:

A. nam Sông Cả tới dãy Hoàng Liên Sơn. B. dãy Hoàng Sơn tới dãy Bạch Mã.

C. nam sông Cả tới dãy Bạch Mã. D. sông Mã tới

dãy Bạch Mã. Câu 26: Địa hình núi cao nước ta phân bố chủ yếu ở vùng núi:

A. Tây Bắc. B. Đông Bắc. C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam.

Câu 27: Địa hình bán bình nguyên nước ta tập trung nhiều nhất ở vùng: A. Tây Nguyên. B. Bắc Trung Bộ.

C. Đông Nam Bộ. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 28: Ở khu vực đồng bằng sông Hồng, khu vực vẫn được bồi tụ phù sa hàng năm vào mùa lũ là A. vùng trong đê. B. vùng ngoài đê.

C. Rìa phía tây và tây bắc. D. các ô trũng ngập nước.

Câu 29: Điểm đặc biệt khác biệt nổi bật về địa hình của Đồng bằng sông Hồng so với Đồng bằng sông Cửu Long là

A. có một số ô trũng ngập nước. B. địa hình thấp và bằng phẳng.

C. không ngừng mở rộng ra phía biển. D. có hệ thống đê ven sông ngăn lũ.

Câu 30: Cấu trúc địa hình nước ta có hai hướng chính là A. hướng Tây Bắc – Đông Nam và hướng vòng cung.

B. hướng Đông – Tây và hướng vòng cung.

C. hướng Bắc – Nam và hướng vòng cung.

D. hướng Đông Bắc – Tây Nam và hướng vòng cung

Câu 31: Vùng biển mà tại đó Nhà nước ta có chủ quyền hoàn toàn về kinh tế, nhưng vẫn để cho các nước khác được đặt ống dẫn dầu, dây cáp ngầm và tàu thuyền, máy bay nước ngoài được tự do về hàng hải và hàng không như công ước quốc tế quy định, được gọi là:

A. vùng tiếp giáp lãnh hải B. vùng đặc quyền về kinh tế

C. lãnh hải D. nội thủy

Câu 32: Khó khăn thường xuyên đối với giao lưu kinh tế giữa các vùng ở miền núi là: A. Địa hình bị chia cắt mạnh, sườn dốc. B. Động đất

C. Khan hiếm nước D. Thiên tai (lũ quét, xói mòn, trượt lở đất).

Câu 33: Nguyên nhân gây mưa phùn cho miền đồng bằng ven biển và đồng bằng Bắc Bộ là do gió: A. Gió Mậu Dịch nửa bán cầu Nam B. Gió mùa Tây Nam.

C. Gió Mậu Dịch nửa bán cầu Bắc D. Gió mùa Đông Bắc

Câu 34: Nửa sau mùa Đông, gió mùa Đông Bắc thổi vào nước ta có tính chất lạnh ẩm vì: A. Gió thổi qua lục địa Trung Hoa rộng lớn

B. Gió di chuyển về phía Đông

C. Gió thổi qua biển Nhật Bản và biển Hoàng Hải

D. Gió càng gần phía Nam

Câu 35: Biển Đông ảnh hưởng nhiều nhất, sâu sắc nhất đến thiên nhiên nước ta ở thành phần tự nhiên nào?

A. Khí hậu B. Cảnh quan ven biển C. Địa hình D. Sinh vật

Câu 36: Khó khăn lớn nhất về mặt tự nhiên để phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồi núi là A. Địa hình bị chia cắt mạnh, nhiều sông suối hẻm vực trở ngại cho giao thông.

B. Khoáng sản có trữ lượng nhỏ và phân bố phân tán.

C. Khí hậu phân hóa phức tạp.

D. Đất trồng cây lương thực bị hạn chế.

Câu 37: Sự phân hóa thiên nhiên giữa 2 vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc chủ yếu do

A. ảnh hưởng của Biển Đông. B. thảm thực vật.

C. độ cao địa hình. D. tác động của gió mùa với hướng các dãy núi.

Câu 38: Ở nước ta, nơi có lượng mưa có thể đạt tới 3500 -

4000 mm/năm là A. Vị trí đón gió nằm sát biển.

B. sườn núi hướng về phía Bắc với địa hình cao.

C. các cánh đồng, lòng chảo, thung lũng ở miền núi.

D. sườn núi đón gió biển và các khối núi cao.

Câu 39: Ở miền khí hậu phía bắc, trong mùa đông độ lạnh giảm dần về phía tây vì : A. Nhiệt độ thay đổi theo độ cao của địa hình.

B. Đó là những vùng không chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc

C. Nhiệt độ tăng dần theo độ vĩ.

D. Dãy Hoàng Liên Sơn ngăn cản ảnh hưởng của gió mùa đông bắc.

Câu 40: Theo cách chia hiện nay, số lượng các miền địa lí tự nhiên

của nước ta là A. 2 miền.

B. 5 miền.

C. 4

miền.

D. 3 miền.

ĐÁP ÁN ĐỀ 5

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	B	D	D	D	C	D	C	B	D
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	B	B	B	B	B	D	A	C	D	A
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	B	A	A	A	B	A	C	B	D	A
Câu	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	B	A	D	C	A	B	D	D	D	D

ĐỀ 6

Câu 1: Dựa vào trang Atlat Địa lí Việt Nam, trang 4-5, cho biết nước ta tiếp giáp với những quốc gia nào trên biển?

A. Trung Quốc, Thái Lan, Brunây, Indonexia.

B. Trung Quốc, Thái Lan, Brunây, Mianma.

C. Trung Quốc, Indonexia, Brunây, Lào.

D. Trung Quốc, Thái Lan, Indonexia, Đông Timo.

Câu 2: Nhận định nào thể hiện địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa ở

nước ta? A. Đồng bằng có địa hình bằng phẳng, miền núi có địa hình cao

hiểm trở.

B. Đồng bằng thuận lợi cho cây lương thực, miền núi thích hợp cho cây công nghiệp.

C. Khu vực địa hình cao bị xâm thực mạnh mẽ, ở vùng đồng bằng có sự bồi lắng phù sa.

D. Sông ngòi phát nguyên từ miền núi cao nguyên chảy qua các đồng bằng.

Câu 3: Dựa vào trang Atlat Địa lí Việt Nam, trang 17, cho biết các cửa khẩu của nước ta lần lượt từ Bắc vào Nam là:

A. Thanh Thủy, Cầu Treo, Xa Mát, Lao Bảo.

B. Cầu Treo, Lao Bảo, Thanh Thủy, Mộc Bài.

C. Thanh Thủy, Cầu Treo, Xa Mát, Mộc Bài.

D. Thanh Thủy, Tây Trang, Lao Bảo, Cầu Treo.

Câu 4: Nét nổi bật của địa hình vùng núi Trường Sơn Nam là:

A. bao gồm các khối núi và cao nguyên đá vôi.

B. bao gồm các khối núi cao, đồ sộ và cao nguyên bazan.

C. địa hình núi cao nghiêng dần về phía Đông.

D. có sự bất đối xứng giữa hai sườn Đông -Tây. Câu 5: Lãnh hải là:

- A. vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển.
- B. vùng biển rộng 200 hải lí.
- C. vùng tiếp giáp với vùng biển quốc tế.
- D. vùng có độ sâu khoảng 200m.

Câu 6: Thiên nhiên nước ta bốn mùa xanh tươi khác hẳn với các nước có cùng độ vĩ ở Tây Á, châu Phi là nhờ:

- A. nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.
- B. nước ta nằm ở trung tâm vùng Đông Nam Á.
- C. nước ta nằm ở vị trí tiếp giáp của nhiều hệ thống tự nhiên.
- D. nước ta nằm tiếp giáp Biển Đông với chiều dài bờ biển trên 3260 km.

Câu 7: Nước ta có vị trí nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc, trong khu vực ảnh hưởng của gió Mậu Dịch và gió mùa Châu Á, nên

- A. giàu tài nguyên khoáng sản.
- B. có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá .
- C. khí hậu có 2 mùa rõ rệt
- D. thảm thực vật bốn mùa xanh tốt

Câu 8: Tác động mạnh mẽ nhất của con người làm thay đổi địa hình ở nước ta là:

- A. khai thác khoáng sản
- B. sản xuất nông nghiệp
- C. xây dựng công trình giao thông.
- D. làm mất lớp phủ thực vật nghiêm trọng.

Câu 9: Nét nổi bật của vùng núi Đông

Bắc là: A. đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích.

- B. có địa hình cao, đồ sộ nhất nước ta.
- C. có các mạch núi lớn hướng Tây Bắc-Đông Nam.
- D. gồm các dãy núi liên kề với các cao nguyên.

Câu 10: Dựa vào trang Atlas Địa lí Việt Nam, trang 4-5, cho biết trong số 7 tỉnh biên giới trên đất liền giáp với Trung Quốc, không có tỉnh nào sau đây?

- A. Lạng sơn.
- B. Yên Bái.
- C. Cao Bằng.
- D. Quảng Ninh.

Câu 11: Điểm giống nhau chủ yếu của địa hình vùng núi Đông Bắc và Tây

Bắc là: A. Đồi núi thấp chiếm ưu thế.

- B. Nghiêng theo hướng Tây Bắc – Đông Nam.
- C. Có nhiều sơn nguyên, cao nguyên đá vôi.
- D. Có nhiều cánh cung núi lớn và đồ sộ.

Câu 12: Đặc điểm nổi bật của vùng núi Trường Sơn

Bắc là: A. có các cánh cung lớn mở rộng ở phía Bắc và phía Đông.

- B. địa hình cao nhất nước ta với các dãy núi hướng Tây Bắc - Đông Nam.
- C. gồm các dãy núi song song, so le nhau theo hướng Tây Bắc - Đông Nam.
- D. gồm các khối núi và cao nguyên xếp tầng đất đỏ badan.

Câu 13: Điểm giống nhau giữa đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu

Long là: A. Do phù sa sông bồi tụ.

- B. Có nhiều sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.
- C. Địa hình cao ở phía Tây, thấp ở phía Đông.
- D. Đất mặn, đất phèn chiếm diện tích lớn.

Câu 14: Đặc điểm nào sau đây không phải của đồng bằng ven biển miền

Trung: A. Đất nhiều cát, ít phù sa, nghèo dinh dưỡng.

- B. Bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.
- C. Chỉ có một số đồng bằng được mở rộng ở cửa sông.

D. Được hình thành chủ yếu do sông ngòi bồi đắp.

Câu 15: Ở Đồng bằng Sông Hồng, vùng đất ngoài đê là nơi

- A. không được bồi phù sa hàng năm. B. có nhiều ô trũng ngập nước.
C. thường xuyên được bồi đắp phù sa. D. có các khu ruộng cao bạc màu.

Câu 16: Đồng bằng mở rộng của sông Đà Rằng là :

- A. Tuy Hòa. B. Bình Định. C. Quảng Nam. D. Nghệ An.

Câu 17: Tính chất ẩm của khí hậu nước ta thể

hiện ở A. lượng mưa từ 1000 – 1500 mm/năm, độ ẩm trên 90%.

B. lượng mưa từ 1800 – 2000 mm/năm, độ ẩm từ 60 – 80%.

C. lượng mưa từ 1500 – 2000 mm/năm, độ ẩm trên 80%.

D. lượng mưa từ 2000 – 2500 mm/năm, độ ẩm từ 60 – 80%.

Câu 18: Nguyên nhân quan trọng nhất làm cho khí hậu nước ta có tính chất nhiệt đới là:

A. chịu ảnh hưởng của biển Đông.

B. vừa tiếp giáp biển Đông, vừa tiếp giáp lục địa Á – Âu.

C. nằm trong khu vực nội chí tuyến của bán cầu Bắc.

D. chịu ảnh hưởng của gió Mậu Dịch và gió mùa.

Câu 19: Gió mùa mùa đông ở miền Bắc nước ta có đặc điểm:

A. Hoạt động liên tục từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô.

B. Hoạt động liên tục từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô và lạnh ẩm.

C. Xuất hiện thành từng đợt từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô hoặc lạnh ẩm.

D. Kéo dài liên tục suốt 3 tháng với nhiệt độ trung bình dưới 20°C.

Câu 20: Gió đông bắc thổi ở vùng phía Nam dãy Bạch Mã vào mùa đông thực

chất là: A. gió mùa mùa đông nhưng đã biến tính khi vượt qua dãy Bạch Mã.

B. một loại gió địa phương hoạt động thường xuyên suốt năm giữa biển và đất liền.

C. gió Tín phong ở nửa cầu Bắc hoạt động thường xuyên suốt năm.

D. gió mùa mùa đông xuất phát từ cao áp ở lục địa châu Á.

Câu 21: Vào đầu mùa hạ gió mùa Tây Nam gây mưa ở vùng:

- A. Nam Bộ. B. Tây Nguyên và Nam Bộ. C. Trung Bộ. D. Trên cả nước.

Câu 22: Gió phơn Tây Nam gây khô, nóng vào mùa hạ nghiêm trọng nhất ở A.

- Bắc Bộ. B. Nam Bộ. C. Trung Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 23: Gió mùa mùa hạ hoạt động mạnh vào cuối mùa, gây mưa cho cả

nước là: A. được tăng cường độ ẩm khi vượt qua cùng biển xích đạo.

B. có sự tranh chấp giữa gió mùa với gió Tín phong.

C. hoạt động mạnh của áp thấp Bắc Bộ.

D. do khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương hoạt động mạnh mẽ.

Câu 24: Địa điểm có lượng mưa cao nhất nước ta là

- A. Hà Nội. B. Huế. C. Đà Nẵng. D. Thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 25: Càng về phía Nam nước

ta thì: A. nhiệt độ trung bình năm

càng tăng.

B. biên độ nhiệt độ năm càng tăng.

C. nhiệt độ trung bình năm càng giảm.

D. ảnh hưởng gió mùa mùa đông càng mạnh.

Câu 26: Nhận định nào chưa chính xác: Trong chế độ khí hậu ở nước ta, gió mùa đã làm phân hóa khí hậu?

- A. miền Bắc có mùa đông lạnh, ít mưa, mùa hạ nóng, ẩm, mưa nhiều.
- B. miền Bắc có mùa đông lạnh, mưa nhiều, mùa hạ nóng, ít mưa.
- C. miền Nam có mùa mưa, mùa khô rõ rệt.
- D. Tây Nguyên, Trung Bộ có sự đối lập giữa mùa mưa và mùa khô.

Câu 27: Nhận định chưa chính xác về khí hậu nước ta:

- A. Càng vào Nam, nhiệt độ trung bình năm càng tăng.
- B. Đông Bắc là vùng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất của gió mùa Đông Bắc.
- C. Nam Bộ có lượng mưa tương đối lớn vì trực tiếp đón gió Tây Nam.
- D. Trung Bộ khô, nóng nghiêm trọng vào mùa hạ vì chịu ảnh hưởng của gió Tín phong.

Câu 28: Sự phân hóa thiên nhiên thành ba dải: vùng biển – thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi là biểu hiện của sự phân hóa theo

- A. Bắc – Nam.
- B. Đông – Tây.
- C. độ cao.
- D. gió mùa.

Câu 29: Ở vùng núi cao Tây Bắc có cảnh quan thiên nhiên giống như vùng ôn đới chủ yếu là do

- A. là nơi đón gió mùa Đông Bắc trực tiếp và mạnh nhất.
- B. ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió biển thổi vào.
- C. có địa hình cao và đồ sộ nhất nước ta.
- D. địa hình nghiêng theo hướng Tây Bắc – Đông Nam.

Câu 30: Thiên nhiên vùng đồng bằng duyên hải nước ta có đặc trưng là

- A. vịnh biển nông, thềm lục địa mở rộng.
- B. phong cảnh trù phú, xanh tươi, thay đổi theo mùa.
- C. địa hình bị xâm thực mạnh, các cồn cát, đầm phá rất phổ biến.
- D. đất đai màu mỡ do được phù sa bồi tụ hàng năm.

Câu 31: Nhận định không đúng với mạng lưới sông ngòi nước ta?

- A. Nhiều sông, phần lớn là sông nhỏ.
- B. Sông nhiều nước, lượng nước chủ yếu nằm ở phần lưu vực ngoài lãnh thổ.
- C. Sông nghèo phù sa, nhất là các con sông ở miền Trung.
- D. Chế độ nước sông theo mùa mưa, mùa khô.

Câu 32: Quy định về nguyên tắc quản lý sử dụng và phát triển đối với rừng phòng hộ là

- A. bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh vật của các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên.
- B. có kế hoạch, biện pháp bảo vệ nuôi dưỡng rừng hiện có, trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc.
- C. đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng.
- D. duy trì và phát triển hoàn cảnh rừng, độ phì và chất lượng đất rừng.

Câu 33: Căn cứ vào trang 12, Atlas Địa Lí Việt Nam, thứ tự các vườn quốc gia từ Bắc vào Nam ở nước ta là

- A. Cúc Phương, Pù Mát, Yok Đôn, Cát Tiên.
- B. Pù Mát, Cúc Phương, Yok Đôn, Cát Tiên.
- C. Cúc Phương, Pù Mát, Cát Tiên, Yok Đôn
- D. Cúc Phương, Yok Đôn, Cát Tiên, Pù Mát.

Câu 34: Để bảo vệ đất đồi núi thì giải pháp quan trọng nhất là

- A. quản lý, sử dụng vốn đất, có kế hoạch mở rộng diện tích đất hợp lý.
- B. thâm canh, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.
- C. áp dụng tổng thể các biện pháp thủy lợi, canh tác.
- D. phòng ngừa ô nhiễm môi trường đất.

Câu 35: Căn cứ vào atlas trang 9, Atlas Địa lí Việt Nam, xác định vùng chịu ảnh hưởng trực tiếp và nặng nề nhất của bão của nước ta là

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Bắc Trung Bộ. D. Nam Trung Bộ.

Câu 36: Nguyên nhân chính làm cho Đồng bằng sông Hồng bị ngập úng nghiêm trọng nhất ở nước ta là: A. có mật độ dân số cao nhất nước ta.

- B. có địa hình thấp nhất so với các đồng bằng.
C. có lượng mưa lớn nhất nước.
D. có hệ thống đê sông, đê biển bao bọc.

Câu 37: Mùa khô của nước ta diễn ra nghiêm trọng nhất ở

- A. Đồng bằng Sông Hồng. B. Tây Nguyên.
C. Vùng ven biển cực Nam Trung Bộ D. Bắc Trung Bộ.

Câu 38: Hệ sinh thái xavan, cây bụi nhiệt đới khô trên đất cát có ở tỉnh nào của nước ta: A. Hà Giang-Cao Bằng. B. Nghệ An-Hà Tĩnh.

- C. Ninh Thuận-Bình Thuận. D. Kon Tum-Gia La

Câu 39: Để phòng chống khô hạn lâu dài, hiệu quả thì biện pháp quan trọng nhất là: A. tăng cường trồng và bảo vệ rừng.

- B. thực hiện kĩ thuật canh tác trên đất dốc.
C. chuyển đổi cơ cấu cây trồng.
D. xây dựng các công trình thủy lợi.

Câu 40: Ở nước ta, động đất thường xảy ra yếu nhất ở vùng

- A. Tây Bắc C. Đông Bắc. C. Nam Trung Bộ. D. Nam Bộ.

ĐÁP ÁN ĐỀ 6

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	C	C	D	A	D	C	D	A	B
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	C	C	A	D	C	A	C	C	C	C
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	C	C	A	B	A	B	D	C	C	C
Câu	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	C	B	A	C	C	D	C	C	D	D